VPCHEM
VINA Plasticizers Chemical Company, Ltd

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên hóa chất: **DIOCTYL PHTHALATE**

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

a) Nhận dạng:
- Tên thường gọi: DOP (Dioctyl Phthalate)
- Tên thương mại: Chất hóa dẻo DOP
- Số CAS: 117-81-7
- Số UN: Chưa có thông tin
- Số đăng ký EC: Chưa có thông tin

b) Mục đích sử dụng:
- Dùng làm phụ gia trong ngành nhựa

c) Thông tin nhà cung cấp:
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA
- Đ/c: Đường số 4, KCN Gò Dầu, Phước Thái, Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ĐT: + 84-251-3 841 241
- FAX: +84-251-3 841 230

d) Số liên lạc trường hợp khẩn cấp:
- ĐT: + 84- 02513 841 241

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM

a) Phân loại
- Theo GHS:
  - Nghiêm trọng tổn thương mắt / kích thích: Loại 2B
  - Độc tính sinh sản: Loại 1B
  - Độc tinh lâu dài đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm: Loại 2

b) Các yếu tố nhãn theo GHS:

- Hình đồ cảnh báo:

- Từ cảnh báo: Nguy hiểm

- Cảnh báo nguy hại:
  - H360: Có thể gây thiệt hại cho thai nhi hoặc khả năng sinh sản
  - H373: Nếu tiếp xúc lâu dài, có thể gây thiệt hại cho các bộ phận cơ thể
- Cảnh báo phòng ngừa:
  - P201: Được kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng.
  - P202: Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu
  - P260: Không hít bụi, khói, khí, hơi, sương hóa chất
  - P281: Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân, Bao tay, bảo vệ mặt và mắt
- Cảnh báo ứng phó Y tế:
  - P308 + P313: Chăm sóc y tế nếu tiếp xúc hoặc bị phơi nhiễm
  - P314: Chăm sóc y tế nếu cảm thấy không thoải mái
- Cảnh báo lưu giữ:
  - P405: Giữ trong bao bì kín.
- Cảnh báo xử lý:
  - P501: Vứt bỏ các bao bì, thùng chứa theo quy định của pháp luật

c) Các thông tin nguy hại khác:
- Theo NFPA: Sức khỏe= 0; Lửa= 1; Phản ứng= 0 (Cấp độ chia tăng dần từ 0 đến 4)

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

- Là Đơn chất
- Tên thông thường: Chất hóa dẻo DOP

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Khối lượng phân tử (g/mol)	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
DIOCTYL PHTHALATE	**117-81-7**	**$C_{24}H_{38}O_4$**	**390.56**	**99,5**

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

a) Biện pháp sơ cứu ứng với các đường phơi nhiễm:
- Đường Mắt: Rửa thật kỹ bằng nước sạch ít nhất 15- 20 phút cho đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất. Sau đó tham khảo ý kiến của bác sỹ hay đưa đến bác sĩ ngay.
- Đường da: Cởi bỏ quần áo dính hóa chất, rửa thật nhiều bằng xà bông ít nhất 15- 20 phút cho đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất
- Đường hô hấp: Đưa bệnh nhân ra khỏi khu vực nhiễm hóa chất đến nơi thông thoáng, hô hấp nhân tạo nếu cần, giữ ấm cơ thể và nghỉ ngơi, chở đến bệnh viện nếu cần
- Đường tiêu hóa: Làm cho bệnh nhân ói bằng cách cho uống nhiều nước hay sữa, rồi chở đến bệnh viện gần nhất

b) Các triệu chứng tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này: Chưa có thông tin

c). Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết: Chưa có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

a) Các phương tiện chữa cháy:
- Xếp loại về tính cháy: Khó cháy
- Bình bột cứu hỏa loại BC, Nước, Cát, Bọt chữa cháy chuyên dụng.

b) Các chất độc sinh ra khi bị cháy:
- Có thể tạo ra những khí độc hại

c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:
- Quần áo bảo hộ lao động, Quần áo chữa cháy, mặt nạ phòng độc.
- Xem xét hướng gió khi chữa cháy Tránh hít hơi khí, bụi, khói
- Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Chưa có thông tin.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó:
- Sử dụng các trang thiệt bị bảo hộ trong 4 tủ khẩn cấp bao bồm: Găng tay chống hóa chất, Mặt nạ chống hóa chất, ủng
- Sử dụng hệ thống cấp khí sạch nếu cần thiết. 6 thùng Cát, giẻ tại các khu vực
- Tuân thủ theo quy trình ứng phó sự số đã lập năm 2011 và chỉnh sửa năm 2018 (Theo hướng dẫn tại thông tư số: 32/2017/TT-BCT)

b) Cảnh báo về môi trường:
- Không khí: Chưa có thông tin
- Đất: Chưa có thông tin
- Nước ngầm: Lưu trữ tránh xa nguồn nước cấp và điểm xả nước thải

c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:
- Dùng 6 thùng Cát, Giẻ tại các khu vực để bao vây cô lập khu vực tràn đổ. Thu hồi tái sử dụng, Hấp thụ bằng cát hay giẻ và thu gom vào kho Chất thải nguy hại của nhà máy
- Dùng xà bông vệ sinh lại khu vực đến khi không còn dấu hiệu của hóa chất

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:
- Thông thoáng môi trường làm việc. Trang bị đồ bảo hộ lao động thích hợp, Hệ thống điện chống cháy nổ, Hệ báo cháy tự động. Vận chuyển an toàn.

b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:
- Tồn trữ trong các bồn chứa có hệ thống làm mát, có tường bao ngăn cách, có hệ thống báo cháy tự động, hệ thống phun bọt chữa cháy chuyên dụng.
- Bãi chứa phuy thông thoáng, có bờ bao. Xếp phuy nằm không quá 5 lớp

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

a) Các thông số kiểm soát:
- Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp- TWA/ STEL: Chưa có thông tin

Ghi chú:
+ TLV – TWA (Threshold Limit Value- Time Weighted Average- Thường viết gọn= TWA): Giới hạn phơi nhiễm trung bình đo trong 8h
+ TLV- STEL (Threshold Limit Value Short Time Exposure Limit- Thường viết gọn = STEL): Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn 15 phút

b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị
- Trang bị 4 tủ bảo hộ lao động khẩn cấp tại các khu vực trọng điểm (Kính, găng tay, ủng, mặt nạ phòng độc)
- Trang bị 03 bộ **c**ung cấp vòi nước tắm, xịt rửa mắt cho trường hợp khẩn cấp tại các khu vực trọng điểm
- Có nhân viên Y tế và tủ thuốc, phòng nghỉ bệnh.

c) Các phương tiện bảo hộ cá nhân:
- Bảo vệ mặt và đường hô hấp: Mặt nạ chống hóa chất
- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động thích hợp
- Bảo vệ tay: găng tay các loại
- Bảo vệ chân: giầy bảo hộ, ủng

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

a) Trạng thái vật lý: Là chất lỏng, sánh như dầu. Không màu hay vàng nhạt

b) Mùi: Hầu như không mùi

c) Ngưỡng mùi: Chưa có thông tin

d) Độ pH: Chưa có thông tin

đ) Điểm đông/ tan chảy (^{0}C): -55

e) Điểm sôi (^{0}C): 386

g) Điểm cháy- Flash point (^{0}C): 206

h) Tỷ lệ bay hơi: Chưa có thông tin

i) Phân loại cháy (OSHA): III B

k) Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 0,3% tại 245 °C

l) Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin

m) Áp suất hóa hơi (mm Hg): 1,32 mmHg tại 20^0 C

n) Độ hòa tan trong nước: 0,005% tại 20^0 C

o) Tỷ trọng hơi ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (Không khí = 1): 16

p) Khối lượng riêng (kg/lít): 0.986 tại 20^0 C

q) Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): 350

r) Nhiệt độ phân hủy: Chưa có thông tin

s) Độ nhớt: 80 cP (20 °C)

t) Khối lượng phân tử (g/mol): 390,56

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

a) Khả năng phản ứng:
- Theo NFPA khả năng phản ứng = 0

b) Tính ổn định:
- Ổn định và bến ở nhiệt độ và áp suất thường

c) Các phản ứng nguy hiểm (Ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh):
- Nguy hiểm khi phản ứng với các Acid mạnh, chất Oxy hóa mạnh, Nitrate, Alkal.
- Phản ứng trùng hợp: Có những phản ứng trùng hợp nhưng chưa thấy xảy ra ở nhiệt độ và áp suất thường

d) Các điều kiện cần tránh:
- Tránh xa các chất có phản ứng sinh nhiệt. Tránh tia lửa, nhiệt và các chất nêu trên

đ) Vật liệu không tương thích: Chưa có thông tin

e) Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:
- Khi phân hủy nhiệt, có thể tạo ra các khí độc

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

a) Thông tin về các đường phơi nhiễm:

- Đường Hô hấp:
- Hít phải 5000 mg/m3 ngay lập tức nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe
- Phơi nhiễm cấp tính: Không có ảnh hưởng xấu ở nhiệt độ thường. Hơi nóng có thể gây ho, đau nhức cổ họng, buồn nôn và viêm phế quản. Hơi bão hòa không làm chuột chết trong vòng 2 giờ
- Phơi nhiễm lâu năm: Tiếp xúc sau 6-7 năm gây đau lưng. Tay chân bị yếu, tê, co cứng. Viêm dây thần kinh, rối loạn chức năng hệ thần kinh
- Chuột tiếp xúc 12 tuần bị viêm phổi mãn tính.

- Đường tiêu hóa:
- Gây buồn nôn, tiêu chảy, đau bụng

- Tiếp xúc ngoài da:
- Phơi nhiễm cấp tính: Gây kích ứng da và bệnh eczema
- Phơi nhiễm lâu năm: Chưa có thông tin

- Tiếp xúc mắt:
- Phơi nhiễm cấp tính: Gây kích ứng và mẩn đỏ mắt
- Phơi nhiễm lâu năm: Chưa có thông tin

b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại:
- Đau tê, co giật ở tay, viêm da

c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và ảnh hưởng mãn tính:
- Độc cấp tính: Chưa có thông tin
- Kích ứng / ăn mòn da: Chưa có thông tin
- Kích ứng và hư hỏng mắt: Chưa có thông tin
- Nhạy cảm về hô hấp: Chưa có thông tin
- Nhạy cảm về da: Chưa có thông tin
- Tính gây ung thư: Chưa có thông tin
- Gây đột biến tế bào: Chưa có thông tin
- Độc tính sinh sản: Có thể ảnh hưởng đến thế hệ sau mà không ảnh hưởng đến thế hệ hiện tại
- Độc tính tiếp xúc một lần: Chưa có thông tin
- Độc tính tiếp xúc nhiều lần: Các động vật thí nghiệm bị rối loạn tinh hoàn. Tạo chất béo xung quanh gan và tĩnh mạch. Làm thay đổi cấu trúc ống mật

d) Những thông số về độc tính: Chưa có thông tin

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a) Độc môi trường:
- Cá: LC50= 0,3 mg/lit trong 96h
- Động vật Giáp xác: EC50= 0,133 mg/l trong 48h
- Chim: Chưa có thông tin

b) Tính bền vững và khả năng phân hủy:
- Tính bền vững: Chưa có thông tin
- Khả năng phân hủy: Chưa có thông tin

c) Khả năng tích lũy sinh học:
- Khả năng phân hủy sinh học: 2,5% trong vòng 28 ngày ở điều kiện Yếm khí hay lắng cặn
- Khả năng trầm tích: Chưa có thông tin

d) Độ linh động trong đất: Chưa có thông tin

đ) Các tác hại khác: Chưa có thông tin

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

- DOP thải bỏ được thu gom tái xử lý
- Các chất hấp thụ DOP là chất thải nguy được thu gom, phân loại, tồn trữ và chuyển giao đơn vị có chức năng xử lý
- Bao bì chứa DOP được thu gom vệ sinh tái sử dụng

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

a) Số UN: Chưa có thông tin
b) Tên phương tiện vận chuyển đường biển: Chưa có thông tin
c) Loại nhóm hàng nguy hiểm: Không (Theo Phụ lục 1, NĐ 104/2009/NĐ-CP)
d) Quy cách đóng gói:
- Phuy 0,2 tấn
- Tote tank 1,0 tấn
- Xe bồn 17 tấn
- Xe IZO tank 20 tấn – Container 20 tấn (Flex bag)

đ) Độc môi trường: Chưa có thông tin
e) Vận chuyển trong tàu lớn: Chưa có thông tin
g) Những cảnh báo đặc biệt: Chưa có thông tin

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

a) Thông tin về an toàn:
- Luật an toàn vệ sinh lao động: 84/2015/QH 13 và các Nghị định, thông tư liên quan

b) Thông tin về sức khỏe:
- Luật hóa chất: 06/2007/QH 12 và các Nghị định, thông tư liên quan

c) Thông tin về môi trường:
- Luật Bảo vệ môi trường: 55/2014/ QH 13 và các Nghị định, thông tư liên quan

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tên tổ chức biên soạn: Công ty TNHH Hóa Chất Chất Hóa Dẻo VINA
Ngày biên soạn lần đầu: 11/03/2008
Ngày sửa đổi bổ sung lần 3: 22/06/2018
Ngày sửa đổi bổ sung mới nhất: 01/11/2021